

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 2958/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 09 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2016
của huyện Thanh Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-TNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Văn bản số 152/HĐND-TT ngày 19/8/2016 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện 08 dự án trên địa bàn huyện Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Thanh Thủy;

Xét đề nghị của UBND huyện Thanh Thủy tại Tờ trình số 1473/TTr-UBND ngày 03/11/2016 đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 845/TTr-TNMT ngày 03/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Thanh Thủy với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Diện tích đất nông nghiệp là 9010,04 ha, giữ nguyên diện tích theo kế hoạch được duyệt.

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 3,330.27 ha, giữ nguyên diện tích theo kế hoạch được duyệt, nhưng điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp trong nội bộ cụ thể như sau:

+ Điều chỉnh diện tích đất ở đô thị là 52,97 ha, tăng so với diện tích theo kế hoạch được duyệt là 1,44ha.

+ Điều chỉnh diện tích đất ở nông thôn là 651,94ha, tăng so với diện tích theo kế hoạch được duyệt là 0,3ha.

+ Điều chỉnh diện tích đất cơ sở thể dục, thể thao là 10,61ha, giảm so với diện tích theo kế hoạch được duyệt là 1,44ha.

+ Điều chỉnh diện tích đất chợ là 7,26ha, giảm so với diện tích theo kế hoạch được duyệt là 0,3ha.

- Diện tích đất chưa sử dụng là 227,76ha, giữ nguyên diện tích theo kế hoạch được duyệt.

Đơn vị tính: ha

Stt	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích theo Kế hoạch được duyệt	Diện tích điều chỉnh kế hoạch năm 2016	So sánh tăng, giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		12,568.07	12,568.07	
1	Đất nông nghiệp	NNP	9,010.04	9,010.04	0
1.1	Đất lúa nước	LUA	2,762.70	2,762.70	0
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	1,311.17	1,311.17	0
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	819.06	819.06	0
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1,969.55	1,969.55	0
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	518.65	518.65	0
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0	0	0
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2,410.57	2,410.57	0
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	466.97	466.97	0
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	62.54	62.54	0
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,330.27	3,330.27	0
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.51	1.51	0
2.2	Đất an ninh	CAN	1.62	1.62	0
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.21	2.21	0
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0	0	0
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	10.63	10.63	0
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	172.81	172.81	0
2.6	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	SKC	78.71	78.71	0
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	113.32	113.32	0
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	936.01	934.27	-1.74
2.9.1	Đất giao thông	DGT	621.52	621.52	0
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	247.15	247.15	0
2.9.3	Đất công trình năng lượng	DNL	0.82	0.82	0
2.9.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0.78	0.78	0
2.9.5	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0	0	0
2.9.6	Đất cơ sở y tế	DYT	5.62	5.62	0
2.9.7	Đất cơ sở giáo dục- đào tạo	DGD	40.51	40.51	0

2.9.8	Đất cơ sở thể dục-thể thao	DTT	12.05	10.61	-1.44
2.9.9	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	0	0	0
2.9.10	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	0	0	0
2.9.11	Đất chợ	DCH	7.56	7.26	-0.3
2.10	Đất có di tích lịch sử -văn hóa	DDT	5.93	5.93	0
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0	0	0
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4.37	4.37	0
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	651.64	651.94	0.3
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	51.53	52.97	1.44
2.15	Đất XD trụ sở cơ quan	TSC	9.42	9.42	0
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0	0	0
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0	0	0
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	9.03	9.03	0
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NDT	71.20	71.20	0
2.20	Đất sản xuất vật liệu XD, làm đồ gốm	SKX	14.8	14.8	0
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9.08	9.08	0
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng	DKV	0.45	0.45	0
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	6.66	6.66	0
2.24	Đất sông, ngòi, kênh rạch, suối	SON	1.036.98	1.036.98	0
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	141.56	141.56	0
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0.81	0.81	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	227.76	227.76	0
4	Đất khu công nghệ cao	DTD			
5	Đất khu kinh tế	DBT			
6	Đất đô thị	DDL			

2. Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2016.

STT	Tên dự án	Xã, thị trấn	Địa điểm dự án	DT tăng thêm	Đất phi nông nghiệp	
					Đất chợ (ha)	Đất thể dục thể thao (ha)
1	Dự án đất ở đô thị					
1,1	Dự án đầu tư QSD đất ở đô thị	thị trấn Thanh Thủy	Khu Sân Vận động cũ huyện Thanh Thủy	1,44		1,44

2	Dự án đất ở nông thôn					
2,1	Dự án đấu giá đất ở nông thôn	xã Yên Mao	khu Chợ cũ	0,3	0,3	

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 theo quy định, tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định.

2. UBND huyện Thanh Thủy có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2016; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
- Thực hiện các thủ tục để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
- Có giải pháp cụ thể theo quy định của pháp luật để huy động vốn và các nguồn lực đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho việc thực hiện điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2016.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch UBND huyện Thanh Thủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Công Thủy